

La responsabilité de l'écrivain

Trách-nhiệm nhà văn-sĩ

Chaque mot est un être vivant,
Et la main tremble en l'écrivant.

Mỗi chữ là một vật linh-động để cảm-hóa người ta,
Nhà làm văn có tâm với thể-đạo, há chẳng nên cẩn-thận lắm ru?

Depuis quelques années, les journaux nous annoncent presque tous les mois la publication de nouveaux livres en *quốc-ngữ*, et c'est toujours pour moi un sujet de réjouissance de constater que chacune de ces nouvelles productions littéraires marque un progrès de notre langue qui, on le sait, promet un très bel avenir. Ecrire, écrire pour enrichir notre bibliothèque nationale, c'est très bien. L'intention en est fort louable et revêt même un caractère patriotique; mais ce qui est regrettable, c'est que la plupart de nos écrivains semblent fort peu se soucier de leur responsabilité et prêtent souvent à la critique.

Pris de snobisme et d'engouement, ils s'exhortent à écrire, les uns pour un but mercantile, les autres pour une visée plus haute, et nonobstant la valeur plus ou moins appreciable de leurs œuvres, il nous faut leur savoir gré qu'ils concourent tous au relèvement de la langue de Nguyên-Du qui, après des siècles de domination intellectuelle chinoise, va conquérir enfin sa place sous le soleil. Cependant il nous est permis de nous poser cette grave question : « Qu'il profit intellectuel ou moral nous

Đã từ mấy năm nay, thường-thường tháng nào các báo-trương cũng giới-thiệu sách mới, mà lần nào được tin ấy tôi cũng thấy vui lòng bởi dạ, vì mỗi quyển ấy là một bước tiến cho cái tiền-đồ của văn-chương Việt Nam ta. Cái văn-chương ấy, nếu ta cứ chăm vun bón, thì sau này tất thành một áng văn-chương rất phong-phú. Làm sách, làm sách để làm giàu cho thư-viện nước nhà, cho đồng-bào có thêm sách quốc-văn đọc, còn gì đáng khen bằng. Đó là một cái nghĩa-vụ chung của bọn trí-thức có lòng ái-quốc, muốn bảo-tồn quốc-túy; chỉ tiếc rằng phần nhiều văn-sĩ ta ngày nay làm sách mà ít lo nghĩ đến cái trách-nhiệm của mình, nên quốc-dân không hoan-ngênh mà lại công-kích các ông ấy.

Các ông a-dua nhau làm sách, ông thì làm để trục-lợi, ông thì làm vì một mục-dịch cao - thượng hơn. Giá-trị sách các ông có khác, nhưng nói của đáng các ông đều có công trong cuộc khôi-phục tiếng nước nhà, — công ấy ta phải nên ghi nhớ, — nhờ công các ông mà quốc-âm của cụ Nguyên Du sẽ giữ được văn - vẻ đề chờ ngày ra tranh lấy một địa - vị ở dưới bóng mặt trời, vì

Có non chi, mà sợ có chi ai ?

Ta cảm ơn các ông, song ta có thể

apportent ces sortes d'ouvrages ? On y chante l'amour, on y chante la mort, en un mot tout ce qui attendrit le cœur et alanguit l'âme. On se complait à propager ce mal romantique qui n'est bon qu'à tuer les énergies de la race, alors que notre mentalité à nous se prête déjà si facilement à la mélancolie de par l'influence du boudhisme et la faiblesse de notre pays. Est-ce donc un bien de nous attrister davantage ? » Pensant à cela, il n'est pas d'honnête homme de lettres, si modeste soit-il, qui ne doive trembler de responsabilité.

Nos *văn-sĩ* contemporains croient-ils au sérieux de leur art, si toutefois ce mot « art » leur convient ? Laissant à eux le soin d'y répondre avec franchise, je me contente de vous entretenir ici de leur responsabilité d'écrivain.

Il n'y a pas très longtemps, Paul Bourget, cet éminent psychologue connu du monde entier, a étudié cette responsabilité dans *Le disciple*. *Le disciple*, c'est l'histoire d'un jeune homme nommé Robert Greslou, qui a la tête chargée de toutes les théories philosophiques et qui n'a retenu de l'enseignement de son maître, Adrien Sixte, que ce qui pouvait complaire à son ambition et à son orgueil. Le voici qui entre comme précepteur dans une famille où il y a une jeune fille du nom de Juliette Charlotte. Il se trouve ainsi à même d'instituer une expérience psychologique au gré de sa curiosité, en entreprenant d'exercer sa domination sur l'âme de cette jeune fille, mais avec quelle méthode ? Avec celle qu'il croit infailible et qu'il

tự hỏi ta câu này : « Đọc những sách vở như thế thì có bổ-ích gì về đường tinh-thần, đường đạo-đức không ? Các ông ngẫm sâu vịnh thẳm ; các ông kể tình khổ nọ, than nỗi biệt kia. Vì tin lẽ sắc-không của đạo Phật, vì trông thấy nước yếu hèn, người An-Nam ta đã sẵn tính ưa buồn, mà các ông còn tìm cách truyền cái bệnh « lãng-mạn » ấy cho mọi người khác, làm tiêu-diệt cả các nghị-lực của nòi giống, thì phỏng có đáng-tâm không ? » Nghĩ đến câu ấy, phàm là *văn-sĩ*, ai đã có chút lương-tâm, cũng phải rùng mình lo sợ cho cái trách-nhiệm của mình.

Các *văn-sĩ* đương-thời của ta có tin việc đó là quan-trọng không ? Tôi đề phần các ông cứ thành-thực mà trả lời, tôi chỉ xin cùng các độc-giả bàn một đôi lời về cái vấn-đề ấy.

Cách nay ít lâu, PAUL BOURGET là một nhà tâm-lý-học trứ-danh cả hoàn-cầu, đã chứng-minh cái trách-nhiệm ấy một cách rất rõ-rệt trong bộ tiểu-thuyết đề là : « Người đồ-đệ » (*Le disciple*). Cuốn tiểu-thuyết này là truyện một chàng trẻ tuổi tên gọi Robert Greslou, vì đọc những quyển sách nguy-hiểm mà dám đem thực-hành những điều dạy ở trong ấy. Thực vậy, chàng đã đọc nhiều sách triết-học lắm, nên trong óc đầy những lý-thuyết có thể đem lợi-dụng cho cái lòng ham muốn hay làm thỏa-mãn được cái tính kiêu-ngạo của mình. Nhân chàng được đón làm giáo-sư trong một nhà quí-phái nọ, chàng thấy ông chủ có một công-nương đương độ thanh-xuân, hèn lập-tâm dùng những phương-pháp thí-nghiệm nhân-tâm của thầy là ADRIEN SIXTE tiên-sinh, những phương-pháp ấy chàng lấy làm diệu lắm, đề quyết-rũ có con gái ấy, làm cho có phải động lòng yêu đến mình là con

a trouvée dans les livres d'Adrien Sixte. Celui-ci est une espèce de monomane supérieur, assez pareil à Spinoza et à Kant, vivant à l'écart dans ce Paris aux merveilleuses activités, dialoguant solitaire avec les idées. Malgré son innocence d'anachorète, il fomenta de funestes passions et devient, sans le savoir, un éducateur dangereux. Robert Greslou croit obéir à son maître en dérogeant à l'honneur et en commettant un meurtre sur celle qu'il aime. Il laisse, en effet, la pauvre Charlotte se suicider toute seule, alors qu'il lui a fait le serment de mourir avec elle. Je n'ai pas besoin de vous rappeler le dénouement de ce drame, dénouement que vous connaissez certainement, et je me borne à vous dire tout simplement que le protagoniste de l'immoralité et du crime qu'est le père Adrien Sixte, si doux et si naïf d'ailleurs tel que nous le représente l'auteur, a bien joué un rôle véritablement tragique dans la destinée de tous ces êtres qui ont été victimes de son élève à lui, Robert Greslou.

nhà tầm-thường. Ông già ADRIEN SIXTE là một nhà triết-học: cao-kỳ, rất khinh đời, hơi giống ông SPINOZA và ông KANT, ở trong thành-phố Paris là nơi nao-nhiệt như thế mà cứ ngồi một mình đàm-đạo về lý-tưởng. Ân-dật như ông, đã tưởng là « tầm thân ngoại vật », chẳng ngờ những chủ-nghĩa ông tuyên-bố ra toàn là những mối thương-luân bại-ly. Chàng ROBERT GRESLOU vì thâm-phục ông, muốn đả-đạo nên làm càn, không cần đến danh-dự, để đến nỗi nhân-tình phải uổng mạng. Lúc đầu, chàng tưởng ái-tình là một trò chơi, muốn thí-nghiệm như các nhà bác-học khảo-cứu các vật-chất, có biết đâu rằng :

Đa tình mới dữ,

Mắc-miu vào đố-gờ cho ra...

Cho nên khi con chim khôn kia là cô JULIETTE CHARLOTTE đã mắc phải lưới hồng, đem lòng thương yêu chàng, chàng cũng đem lòng yêu thương lại cô, vì đã là nợ tình, thì

Đã dan-diu chót vay rồi phải trả.

Cô là con nhà giòng sang, mà đã có người dấp danh, nay tay đã chót giúng chàm, khôn lẽ cứ liêu nhăm mắt đưa chân, biết rằng cha mẹ mình không khi nào để mình lấy chàng ROBERT GRESLOU, nhưng nghĩ nỗi duyên xưa không dậm, nghĩa sau chẳng tròn, mà đâm ra thất-vọng. Chàng ROBERT GRESLOU đã thề với nàng rằng sống chết phải có nhau, trụ-trung thất-ước, để tình-nhân uống thuốc độc một mình ở trong phòng. Tôi không cần phải nhắc lại đây cái kết-cục truyện ấy ra thế nào, vì chắc các ngài đã thừa biết cả rồi. Tôi chỉ xin nói đề các ngài hiểu rằng nhà hiền-triết nọ là ông ADRIEN SIXTE, tuy lành-hiền và chất-phác như ông PAUL BOURGET đã tả cho xem trong truyện, tuy vậy cũng là một ~~hồng-nữ~~ trong cái án mạng này, ~~nài~~ nghị-luận đến những mầm ác vào thi thể, nhà thi-si ~~ng~~ ROBERT ~~fac~~-chí.

Paul Bourget démontre ainsi que le rêve idéologique, sans le balancier de l'expérience, sans les illuminations du sentiment, peut corrompre la conscience et la volonté des meilleurs et conduire à des conséquences fâcheuses.

De même que Paul Bourget, Edouard Rod aperçoit, dans *Au milieu du chemin*, une solidarité effective entre l'acte de l'un et la pensée de l'autre ; il va même plus loin que lui : tandis que Adrien Sixte reste hébété devant le lit de mort, Clarenéc bouleversé par le suicide d'une de ses lectrices, rentre en lui-même et à la suite d'un long et douloureux examen de conscience, condamne son œuvre et réforme sa vie.

La page qui suit est tirée de ce dernier roman et va nous montrer comment Clarenéc explique le rôle moral de l'écrivain comme le conçoit sa noble et scrupuleuse intelligence à un journaliste de vingt ans qui est venu lui annoncer le suicide d'une jeune fille, morte avec un de ses livres à son chevet. J'espère que nos jeunes *văn-sĩ* sauront en tirer une leçon et veiller toujours, toutes les fois qu'ils composent un livre, au relèvement mental et moral de leurs compatriotes. Ce n'est que par là qu'ils auront droit à notre reconnaissance et pourront se dire qu'ils ont mis leur plume au service de leur Patrie, de cette jeune fille, mais avec qu'il croit infail-

Tác-giả viết truyện ấy là cốt để dạy cho ta biết rằng nếu nhà văn-sĩ cứ đem những truyện mộng-ảo vô-bằng để huyễn-hoặc người đời, làm mờ lương-tâm, thổi ý-chí người ta, thì cái kết-quả độc-ác biết bao. Làm văn cốt phải có kinh-lịch, có tình-cảm.

EDOUARD ROD tiên-sinh cũng đã từng trông thấy cái trách-nhiệm ấy, biết rằng nhà tư-tướng với người thực-hành thực có quan-hệ mật-thiết với nhau, nhưng đại-ý quyền « Giữa dọc đường » (*Au milieu du chemin*) còn cao xa hơn truyện « người Đồ-đệ » (*Le Disciple*) nọ. Sao vậy ? Vì khi đứng trước cái tử-thi của kẻ đã vì mình phải thác oan, ông ADRIEN SIXTE chỉ biết ngẩn người ra, không biết làm sao nữa, nhưng khi ông CLARENÉC được tin rằng quyền kịch của mình đã làm thất-vọng một cô thiếu-nữ và khiến cô phải quỳên-sinh thì lương-tâm ông bối-rối, những oán-hận vì đã không tính trước lo xa, rồi nhất-dịnh phá đồ sự-nghiệp cũ để từ đó theo một phương-châm mới.

Bài tôi trích-dịch sau đây, ở trong truyện « Giữa dọc đường » ra, đề cống-hiến độc-giả chư-quân-tử đồng-lãm, là đoạn thuật lời ông CLARENÉC cắt nghĩa cho thầy MERTON là người phỏng-báo biết ông quan-niệm cái chức-vụ nhà văn-sĩ thế nào, vì thầy MERTON đến báo tin cô con gái tự-tử ấy cho ông hay và nhân-thể đề hỏi ý-kiến ông về việc đó. Các ngài đọc bài này cũng đủ rõ cái quan-niệm ấy cao-thượng và lương-thiện biết ngần nào. Tôi dám mong rằng các thiếu-niên văn-sĩ ta sẽ lấy lời ông làm một bài học trong nghề mình, và mỗi khi các ông viết sách, các ông sẽ chú-ý đến sự khai-trí tiến-đức cho đồng-bào, ngõ-hầu các ông mới đáng lòng biết ơn của chúng tôi và có thể tự-phụ rằng đã mang ngọn bút của mình ra giúp nước, giúp cho cái tổ-quốc

son âge, ne demande que son rajeunissement pour n'avoir pas à périr dans l'ombre.

ĐÔNG-HÀ

— Voici maître. On a trouvé sur son lit même, à côté d'elle un exemplaire de votre admirable drame *L'amour et la mort*, avec de nombreux passages soulignés. Elle l'avait donc lu et relu, peut-être avant de mourir. C'était son livre de chevet. Sans doute, elle croyait trouver des ressemblances entre son cas banal et celui de votre poétique héroïne, et peut-être récitait-elle vos beaux vers en se figurant les penser. Vous comprenez que le fait sera relevé, maître, d'autant plus qu'on s'occupe beaucoup de vous ces temps-ci. C'est pour cela que j'ai eu l'idée de venir vous le signaler tout de suite, en vous demandant ce que vous en pensez. Mon idée a plu à mon directeur . . . Et je vous avoue franchement que je compte sur votre obligeance pour m'aider. . .

Il baissa la voix en ajoutant :

— D'autant plus que j'ai besoin de réussir ! En remarquant l'intérêt qu'éveillait son histoire, le jeune homme déposait sa timidité, se mettait à l'aise. Glarén-cé s'étant assis, il s'assit à son tour pour attendre la réponse. Comme elle tardait, il reprit, avec la candide ferocité de son inexpérience :

— Le fait est assez curieux, n'est-ce pas ? . . . Quand on y réfléchit, c'est à peu près l'histoire d'Alfred de Vigny après son *Chatterton*, qui déclencha une épidémie de suicides. Une telle aventure soulève beaucoup de questions, mais en tout cas, elle est toujours flatteuse pour un poète.

già-cổ này được thịnh-vượng mãi lên, chứ không đến nỗi phải tiêu-diệt ở trong xô tối.

ĐÔNG-HÀ.

— Việc xảy ra thế này, tôi xin thuật lại tiên-sinh nghe. Người ta đã tìm thấy ngay ở trên giường, cạnh mình cô, vở kịch «Sống thác với tình» (*L'Amour et la Mort*) của ngài, nhiều đoạn có nét bút gạch. Vậy ra trước khi liều mạng cho rồi ngày xanh, cô đã đọc đi đọc lại quyển ấy. Đó là quyển sách yêu-qui để đầu giường của cô. Chắc hẳn cô cho cái cảnh-ngộ tầm-thường của mình giống cái cảnh-ngộ nên thơ của người chủ-động truyện nọ và có lẽ khi cô ngâm các câu thơ hay của ngài cô lại tưởng chính là những câu than thân của cô. Lạ là phải nói, tiên-sinh mới hiểu rằng việc này tất thành chuyện to, nhất là bối độ này người ta chú-ý đến ngài lắm. Vì lẽ đó nên tôi vội-vàng đến báo tin ngay cho tiên-sinh biết và nhân thể đề hỏi ý-kiến ngài về việc này. Ông chủ-nhiệm tôi cũng lấy làm phải. . . . Vả tôi xin thú thực với ngài rằng tôi trông mong ngài giúp tôi. . . .

Thầy hạ giọng xuống, nói luôn rằng:

— Tôi cần ngài giúp tôi cho được việc.

Thầy thấy ông lắng tai nghe, nên vững dạ, không ngưng-ngập gì nữa. Ông ngồi xuống, thầy cũng ngồi chờ trả lời. Ông chậm đáp, thầy vốn ít tuổi chưa lịch-thiệp việc đời, nên cứ thực-thà, sống-sượng mà nói tiếp rằng:

— Truyện lạ đấy chứ nhỉ? Nghĩ truyện này tựa như truyện ông ALFRED DE VIGNY, sau khi xuất-bản kịch *Chatterton*, làm thiên-hạ thi nhau tự-tử như chết dịch. Những nòng-nổi ấy khiến người ta phải nghị-luận đến, nhưng dù thế nào thì thế, nhà thi-si vẫn lấy làm đặc-chí.

— Vous croyez? s'écria Clarence. Ah! vraiment, vous croyez cela?

Merton compléta sa pensée :

— Elle prouve que le poète a touché juste !

Il attendait, le regard docile, le stylographe en main. Clarence hésita une minute entre la prudence qui l'engageait à se taire et sa franche nature qui le poussait à parler.

— Ah! vous trouvez qu'une telle aventure est flatteuse pour un écrivain? répéta-t-il. En bien, moi, je la trouve décevante et cruelle, comprenez-vous? J'ignore ce qu'Alfred de Vigny a pensé des suicides qui ont suivi son *Chatterton*, mais je me refuse à croire qu'il en fut flatté. Pour moi, s'il m'était prouvé que *L'amour et la mort* est pour quelque chose dans ce malheur, j'en serais ému profondément, douloureusement. Je ne vous le cache pas, car je ne saurais m'en cacher. . .

Il continua en s'animant, en s'oubliant, sans prendre garde au stylographe de Merton, qui courait à sa suite :

— . . . Et je me pose à moi-même la question que vous me posez. . . . Dans les mêmes termes, peut-être, mais dans quel autre esprit! . . . Vous comprenez : pour vous, affaire de curiosité, sujet d'article; pour moi affaire. . . de conscience, sujet d'angoisse. . . Laissons de côté les généralités, je m'en mêle. Tenons-nous en au fait particulier, au cas, pour autant que nous le connaissons à cette heure. . . Il est bien certain, n'est ce pas, qu'avant mes drames, il y a eu des amants qui se sont suicidés. Ce n'est pas moi qui ai inventé le réchaud : les désespérées l'ont trouvé d'instinct, sans mon aide. . . Mais, dans l'anecdote que vous venez de me raconter,

Nghe nói vậy, ông CLARENCE thốt-nhiên kêu lên rằng :

— Thầy tưởng vậy ư? Thực thầy tưởng vậy ư?

Thầy MERTON cất tiếng nói nốt :

— Vì thế là nhà thi-si đã dò trúng trong tâm-khảm người ta.

Thầy ngồi chờ, mắt rinh miệng ông, tay cầm bút máy, ông ngẩn-ngờ một phút, muốn giữ-gìn lời nói, nhưng tính ngay thẳng, nhĩa chẳng đã, nên phải cãi :

— A: thầy tưởng những nông-nổ ấy làm hởi dạ người làm sách ư? Nay thế nhưng mà tôi lại lấy làm ảo-não và đau-đớn lắm đấy, thầy ạ! Thầy có hiểu không? Tôi không biết sau khi ông ALFRED DE VIGNY đã đánh bả người ta bằng quyển *Chatterton*, ông nghĩ thế nào, nhưng tôi quyết rằng ông không lấy việc đó làm đặc-chí. Về phần tôi, nếu quả quyển « Sống thác với tình » đã gây nên cái bi-kịch ấy, thì đau-đớn cho tôi biết bao. Tôi không giấu gì thầy, vì tôi đương cầm lòng không đậu.

Ông càng nói, giọng càng hùng-hồn, quên cả mình, không đề ý đến ngọn bút máy của thầy MERTON đương chạy trên tờ giấy đề ghi nhanh lấy lời ông.

— Và lại chính tôi đương tự-vấn câu thầy vừa hỏi tôi. Có lẽ tôi cũng dùng những tiếng ấy, nhưng không quan-niệm như thầy. Phải, đối với thầy thì đó là một việc lạ thường, một chuyện đáng đăng báo; nhưng đối với tôi thì là một việc có can-thiệp đến lương-tâm, một chuyện đáng lo-sợ. Bất-tất phải bàn đến những lẽ đại-cương, ta hãy xếp nó ra một bên; ta chỉ nên xét cái việc riêng này, cái trường-hợp hiện-thời, ta xét rõ được đến đâu hay đến đấy. Chắc hẳn rằng trước khi tôi xuất-bản những bản kịch ấy, trong thiên-hạ đã chẳng thiếu gì người tự-vấn vì tình, không phải tôi đã gây nên cái thủ-đoạn ấy: những kẻ thất-

si tragique dans son humilité — comment distinguer ce qui vient de la passion éternelle et ce qui vient de l'imagination excitée par les lectures ? La première est une force de la nature, comme l'eau, le feu ou le vent ; depuis que le monde existe, elle promène autour d'elle les mêmes ravages et pousse au même terme les couples malheureux qu'elle entraîne. On ne peut rien contre elle, pas plus qu'on ne peut arrêter l'orage ou la marée. Mais l'autre, l'imagination ? Ne sommes-nous pas ses maîtres ? Ne pouvons-nous pas la diriger ? Ne sont-ce pas les peintures de l'amour qui l'excitent, les mensonges de la poésie qui la leurrent ? . . . Encore une fois, comment distinguer, dans le cas de cette pauvre enfant ? . . . Il faudrait connaître les détails, reconstituer, lire dans le cœur qui ne bat plus. . . C'en est trop pour notre « psychologie » approximative.

Tout en prenant ses notes, Merton s'étonnait d'entendre un maître poser en de tels termes, avec une telle émotion, un problème dont ses vingt ans dédaignaient le côté pratique et bourgeois. Son interlocuteur s'arrêtant, il observa : — Je n'aurais jamais cru que vous pussiez vous émouvoir à ce point pour un malheur. . . très grand, c'est vrai. . . mais qui ne vous touche pas directement, auquel vous êtes bien étranger.

Clarencé riposta aussitôt, comme s'il avait hâte de poursuivre son plaidoyer contre lui-même :

vọng dùng kế quyền-sinh là đã tự-nhiên mà nghĩ đến, chứ tôi không có dạy họ... Nhưng ở trong truyện thầy vừa kể cho tôi nghe — truyện tâm-thường mà bi-thảm thay — làm thế nào mà biết được bởi cái dục-tình của người đời bao nhiêu, và bởi sự tưởng-tượng trong khi đọc sách bao nhiêu. Cái nguyên-nhân thứ nhất là một sức mạnh của Tạo-vật như nước, lửa hay gió ; tự khi nhân-loại sinh ra trên mặt đất này, cái dục-tình thiên-cổ ấy vẫn làm tai-hại giống đạ-tình như thế, khiến những lửa duyên hỏi phận hẩm phải mượn kế ấy để dũ sạch bụi trần. Người ta không thể ngăn hãm lửa tình cũng như không thể ngăn gió-bão hay thủy-triều. Nhưng đến cái động-lực kia là cái trí tưởng-tượng, ta có thể hạn-chế nó, hướng-dẫn nó được chăng ? Chẳng phải những bức tranh tả tình khêu gợi nó, chẳng phải những câu thơ hoa-mĩ khiến người đọc thấy thân-thể không bằng mộng, thì là cái gì ? . . . Khó lắm thay ! Họa chăng ta có dò đầu đuôi truyện, liều những nguồn-cơn của tấm lòng đã nguội lạnh ấy, thì mới phân-biệt được là bởi đâu. Cứ lấy các phương-pháp khoa tâm-lý-học phỏng-chứng của ta mà xét thì tưởng chẳng tài nào suy-làm được,

Thầy MERTON, trong khi ghi lời ông, thấy giọng ông cảm-dộng như vậy, thì lấy làm lạ, vì đối với cái tuổi thanh-niên của thầy và xét về phương-diện thực-tiên và « đạo-đức » thì vấn-đề ấy chẳng qua là một truyện bất-túc-khinh-trọng mà thôi. Nhân ông dừng lại, thầy bảo ông rằng : — Truyện này đáng thương thực, nhưng không đáng gì đến tiên-sinh, ngài có thể cứ hững-hờ như khách qua đường vậy, nên trước tôi không ngờ ngài cảm-dộng đến thế.

Ông CLARENCÉ cãi ngay, bình nhưội-vàng tự khép án cho mình. Ông cãi rằng :

— Etranger ? . . . Je vous le répète, comment le savoir ? Comment remonter de l'acte à ses causes ? Comment deviner ce qui s'est passé dans la tête de cette enfant, pendant que mon livre tremblait dans sa main ? . . . Etranger ? est-ce qu'un écrivain est étranger à ses lecteurs ? Est-ce qu'il a le droit d'ignorer le mal qu'il peut leur faire ou qu'il leur a fait ?..

Clarencé regardait Merton de telle sorte que le jeune homme crut que les questions s'adressaient à lui, et répondit :

— Oh ! le mal ! . . . Les gens qui ne lisent jamais a ment et meurent comme les autres. Si même elle a voulu imiter votre héroïne, maître, parce qu'elle comprenait mal votre pensée . . . qu'y pouvez-vous ?

— Je pouvais . . . ne pas écrire !

Ces mots, qui disaient tant de choses, jaillirent sans que Clarencé calculât leur portée. Merton ne pouvait savoir de quel lent travail intérieur ils étaient l'aveu. Aussi eut-il un haut le corps de surprise, puis le geste détensif et le sourire d'un homme sensé auquel on en veut faire accroire et qui n'est pas dupe.

— Voilà une opinion que personne ne partagera, maître, dit-il aimablement. Ah ! j'en réponds. Songez ! qu'est ce que la mort de cette petite fille en regard de la grande œuvre que vous avez créée, qui n'existerait pas sans vous, qui honore votre temps, votre pays, qui vous assure l'immortalité ?

— Không dính - dáng gì đến tôi à ? Sao biết rằng việc ấy không dính-dáng gì đến tôi ? Sao dò được nguyên-nhân bởi đâu mà kết-quả đến thế ? Sao đoán được người con gái ấy nghĩ thế nào, trong khi quyền sách của tôi còn rung động ở trong bàn tay cô ? Văn-sĩ đối với độc-giả là khách lạ ư ? Nhà trước-thuật có quyền không biết đến cái hại mình có thể gieo cho người đọc sách hay đã gieo cho người ta rồi không ?..

Ông CLARENCÉ nhìn chăm - chăm vào thầy MERTON, đến nỗi thầy tưởng ông hỏi thầy, nên thầy thưa lại rằng :

— Ô ! cái hại !.. Những kẻ không đọc sách bao giờ cũng vẫn sống thác với tình như mọi người khác. Thưa tiên-sinh, cho rằng cô ta đã muốn bắt-chức người đàn-bà chủ-động trong truyện của ngài chẳng nữa, chẳng qua cô đã hiểu lầm cái ý-nghĩa sách đó mà thôi . . . Việc đã lỡ xảy ra như thế, ngài gỡ sao lại được nữa ?

— Nếu tôi đã không viết quyền sách ấy ra, thì chi đến nỗi . . . !

Mấy tiếng gầy bao-hàm biết bao tình-tử, thốt-nhiên ở miệng ông bật ra. Thầy MERTON có biết đâu rằng ông nhận lỗi như vậy, là đã khỗ-tâm lắm, nên coi bộ ngạc-nhiên nhóm người lên, miệng cười, ra dáng một anh tinh đời, không nhẹ lòng tin những lời nói khéo. Thầy bèn khoan-thai nói rằng :

— Thưa tiên-sinh, chẳng ai nghĩ như ngài đâu. Tôi quyết với ngài như vậy. Tiên - sinh thử tính đời một người con gái đối với sự-nghiệp lớn-lao của ngài, có thắm vào đâu, mà phải hối-hận ? Có mất đi, nhân-loại có lẽ không thiệt gì, chứ sự-nghiệp ngài đã làm danh-giá cho cả một thời, về-vang cho cả một nước, lại làm cho ngài được đề tiếng thơm về muôn đời sau, mà nếu không có ngài gây-dựng lên, thì đáng tiếc biết bao !

Clarencé posa un moment sur le jeune homme son beau regard limpide et doux, et dit :

— Vous êtes bien jeune, mon enfant. Vous ignorez encore combien peu de chose est une œuvre d'imagination, quelque glorieuse qu'elle soit, en regard de la plus humble vie. La durée d'un nom ou d'une pensée, qu'importe ? Ce qui compte, c'est le mal qu'on a fait, c'est le bien qu'on aurait pu faire.

EDOUARD ROD

Ông CLARENCÉ lặng-lặng nhìn thầy phỏng-báo một lúc, con mắt sáng trong mà hiền-từ rồi sẽ bảo rằng :

— Con còn trẻ người non dạ lắm, con ơi. Con chưa biết rằng một quyển truyện bịa đặt ra, dù bay đến đâu thì hay, đối với đời một người rất tầm-thường cũng chẳng thấm vào đâu. « Lưu-danh hậu-thế », « Tư - tưởng bất-diệt », có cần chi những cái đó, hử con ? Ta phải nghĩ đến cái tội-ác đã gây nên, và tự-trách rằng đã không biết làm điều lành.

ĐÔNG-HÀ dịch

Le transfert des cendres de Jaurès au Panthéon

A midi, Paris n'était qu'une vaste solitude. Partout, des devantures closes ; quelques ombres frileuses, quelques autobus vides. Il semblait que tout le peuple eût coulé en un seul point de la ville, comme au fond d'un entonnoir.

Il faisait très froid ; des brumes rousses couraient au ras des cheminées. Un ciel et des rues tout pleins d'une clarté triste et trouble, un vent chargé de fumées et, sur tout Paris, un silence où il y avait de la douleur, du respect et de la révolte.

Funèbre dimanche, qui n'était dimanche que par le nom ! Il y avait trop de fièvre sourde et trop bourrue. On devinait déjà que l'apothéose allait être la fête d'un peuple anxieux, et que, devant le cercueil de Jean Jaurès, les hommes des faubourgs se tiendraient en foule sombre et désolée, comme s'ils mesuraient, eux aussi, la cruelle vanité de ces pompes.

Ce fut cependant un spectacle plein de grandeur comme il en est presque toujours des choses où l'âme populaire l'emporte sur les routines officielles.

L'aspect du Palais-Bourbon où se dresse le catafalque, on ne l'oubliera point.

C'était, tout ensemble, simple, noble, et gigantesque. Une écharpe tricolore, comme nouée aux deux angles de l'architrave, se courbait vers le perron, onde immense qui faisait apercevoir, en fûts inégaux, le bas des colonnes. Là-devant, se dressait un socle à quatre degrés, quatre plates-formes en pyramide, un colossal échafaud tendu de toile bise, couleur des pierres. Sur la dernière plate-forme, le cercueil qui semblait poussé vers le ciel, sur cet escalier de Cyclopes, par d'invisibles bras.

A droite et à gauche de cette caisse noire, vingt mineurs — vêtus de leurs loques de fosse, serrant leurs pics, regardant au loin par-dessus la foule, le fleuve et les arbres — se tenaient dans une immobilité de cariatides. Le hasard voulait que le cercueil se profilât sur le rouge du drapeau, et l'on sentait bien que cette circonstance était selon le cœur du grand mort que l'on glorifiait. Les pots à feu reposaient sur des pilastres dressés au bas de l'escalier, derrière les grilles.

Chose surprenante, ces fastes hâtifs ne détonnaient point. Le goût de l'organisateur avait recréé les lignes et la

couleur par quoi ce grandiose provisoire pouvait se lier à la vieille façade et aux statues noircies. Cela n'était indigne ni de Jaurès, ni de l'Histoire, ni de la Nation, en sorte que le spectateur n'éprouvait point ici cette déception que lui inflige la mesquinerie des obsèques nationales.

Cependant les haut-parleurs répandaient des chants funèbres et de tristes marches. Là-haut, très haut, les mineurs bleus montaient leur garde, durs et graves, sentinelles qu'enveloppaient les fumées de l'encens mêlées au brouillard qui, peu à peu, tombait sur la Seine en grosses houles tordues par le vent.

L'heure passait. On vit enfin s'avancer cet immense pavois que porteront les hommes de Carmaux. Un chant de clairons et de tambours. La dépouille de Jaurès va s'acheminer vers sa demeure aux générations. Chacun se découvre, fors un étranger :

-- « Chapeau bas devant l'apôtre ! » crie un ouvrier.

La voix sonne dans le silence. Nul écho. L'émotion est grande à cette minute, qui est proprement la minute historique. Un pâle rayon traverse les lourdes nuées. L'effet est inoubliable.

Alors dans le grand vide du boulevard Saint-Germain le cortège s'avance avec une extrême lenteur. Ni cavalerie, ni ordonnateurs. Le peuple fait tout, comme il porte de ses bras le pavois du tribun Jaurès.

Son frère, l'amiral Jaurès, et le colonel Gérard marchent sur les pas des mineurs. Puis c'est le gouvernement ; puis la foule.

Cette foule défile entre les sombres masses de deux autres foules. Cette multitude est là, depuis plusieurs heures, malgré le froid glacial. Elle attend.

A peine le cercueil apparaît-il que, à droite et à gauche, s'élève une clameur. Chaque pas du cortège soulève de nouveaux cris, mais les autres ne cessent point, si bien que le boulevard se remplit bientôt d'un grondement indescriptible. On crie : « Vive la paix !

Adieu, adieu, Jaurès ! Vive Herriot ! » Des femmes pleurent...

Mais les maisons du faubourg ont clos tous leurs volets. Des trottoirs véhéments au pied de maisons mortes...

Au Panthéon, la cérémonie fut d'une ordonnance moins singulière. Il y a là des règles, un passé qui commande, une atmosphère religieuse. Pourtant l'architecte a dressé, en avant du chœur, un sarcophage singulier et qui fait impression.

Ce sont de lourds polyèdres tout blancs, une maçonnerie élémentaire que surplombent les ais d'une charpente et sur qui se recourbent de grosses cordes. Cela tient du chantier autant que du tombeau. L'idée est belle. Sous ces masses aux lignes nettes, s'ouvre, comme un soupirail, une cavité où, tout à l'heure, on étendra les restes de l'orateur, de celui qui fut le chantre des ouvriers, du grand athlète verbal qui roulait ses images comme des blocs et qui vivait dans la fête ensoleillée du travail.

Devant cet autel le chef du gouvernement parlera. Puis viendra Mlle Roch, dont la voix pathétique remplira les voûtes du temple. Des flammes vertes brûlent sous les feux convergés de six projecteurs dissimulés au faite de l'église, dans les plis des pierres. Puis ce sera la cantate de Gustave Charpentier, des chants graves, des paroles austères.

Peu à peu le jour décroît et les hautes verrières du Panthéon semblent se couvrir d'un rideau couleur de cyclamen. Puis tout se tait. . . .

Au dehors, la foule gronde sous les drapeaux d'écarlate. La nuit s'approche. . . . C'est fini. Jaurès prend place au silencieux concile des illustres. On s'éloigne et, dans le tumulte de cette âpre fête, on tâche d'oublier le geste du fou qui fit du plus grand rêveur de la paix la première victime de la guerre. Il y a de cela dix ans — et un automne.

HENRI BÉRAUD

(Le Journal)